TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày 10/9/2026

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ, bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Lộc Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2026/TLST-HS ngày 18/8/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Mùng A L; sinh ngày: 18 tháng 7 năm 1989, tại xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 002089002086, cấp ngày 27/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùng A C, sinh năm 1968 và bà Chảo Thị R, sinh năm 1973; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/9/2006 bị Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số: 830/2006/QĐ-UBND; bị cáo bị bắt từ ngày 12/5/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Đ - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mùng A Đ, sinh năm 1974; CCCD số: 002074004859, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; địa chỉ: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Mùng Văn S, sinh năm: 2006, địa chỉ: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Bà Vàng Thị M, sinh năm: 1980, địa chỉ: Tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/5/2026, Mùng A L rủ Mùng Văn S, sinh ngày 27/01/2006, trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang đang ở cùng phòng trọ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang đi mô tô biển kiểm soát 23M1-011.25, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn đỏ (*là xe của của ông Mùng A Đ, sinh năm 1974 là bố của S)* về nhà L ở xã Y. Trên đường đi về, L nảy sinh ý định mua ma túy để bản thân sử dụng nên L điều khiển xe đi về hướng xã L, tỉnh Tuyên Quang và nói với S là vào đây có tí việc. L điều khiển xe máy tiếp tục đi khoảng 15km thì dừng lại, do không muốn cho S biết việc mình đi mua ma túy nên L đã bảo S xuống xe đợi, L tiếp tục điều khiển xe mô tô đi khoảng 1km theo hướng đi xã L thì gặp T đứng cạnh đường một mình. Do trước đó L đã từng gặp T và biết T cũng là người sử dụng ma túy, nên L hỏi T *"có biết chỗ nào bán ma túy không?"*, thì T bảo *"biết"*, L đã nhờ T mua giúp ma túy, loại Heroine với số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) thì T đồng ý, rồi T bảo L đi bộ lên hướng đồi cây trên đường đợi, L lấy trong người ra số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) đưa cho T. Khoảng 20 phút sau, T một mình đi bộ lên gặp L và lấy trong người ra 02 (*hai*) túi nilon màu đỏ đưa cho L, rồi T đi bộ xuống đường và đi đâu không rõ. Sau khi mua được ma túy Heroine, L mở B *(hai)* gói nilon trên ra, thấy bên trong gói thứ nhất có 02 *(hai)* gói giấy màu trắng có chữ màu đen, bên trong đều có ma túy, loại Heroine dạng bột màu trắng, gói nilon màu đỏ còn lại bên trong có 01 *(một)* gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ màu xanh, bên trong gói giấy có 05 *(năm)* gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ màu đen và 01 *(một)* gói bằng giấy màu trắng có chữ và dòng kẻ màu đen, bên trong các gói đều chứa ma túy, loại Heroine dạng bột màu trắng, rồi L lấy trong gói nilon thứ nhất một ít ma túy ra để một mình sử dụng hết bằng hình thức pha với nước rồi dùng xilanh y tế (*L chuẩn bị từ trước*) tiêm, chích vào cơ thể. Sau khi sử dụng xong, Lý gói tất cả các gói lại như cũ và cất vào túi quần bên phải đang mặc trên người và xuống lấy xe mô tô quay lại đón S tiếp tục đi về xã Y (S không biết L mang ma túy trên người). Đến khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đến Km90+80, đường tránh Quốc lộ D, đoạn qua địa phận thôn P, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, do lo sợ lực lượng Công an đi tuần tra phát hiện, nên L đã dừng xe lại ven đường bên phải *(hướng xã Y đi xã Đ)*, rồi đi xuống mương bên phải đường, lấy 02 *(hai)* gói nilon màu đỏ bên trong có chứa ma túy đang cất giấu trong túi quần bên phải mặc trên người rồi nhét vào khe đất bên cạnh đường, cách mép trong mương 80cm, cách chỗ L dừng xe 4,1m, lúc này S đang đứng cạnh vị trí để xe mô tô nên nhìn thấy rõ L cất ma túy. Sau khi cất ma túy xong L quay lại đứng gần vị trí để xe thì bị Tổ công tác Công an xã Y đang tổ chức trinh sát đi đến và phát hiện L có biểu hiệu nghi vấn phạm tội về ma túy nên tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Mùng A tự nguyện khai nhận việc cất giấu số ma túy trên và chỉ vị trí cất giấu số ma túy cho Tổ công tác. Tổ công tác tiến hành mời

người chứng kiến, đại diện UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Mùng A L.

Cùng ngày Công an xã Y phối hợp với Trạm Y tế xã Y tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Mùng A, Mùng Văn S. Kết quả: Tại thời điểm kiểm tra, xét nghiệm nước tiểu của Mùng A, Mùng Văn S dương tính với chất ma túy (M).

Ngày 12/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T Quyết định trưng cầu giám định chất ma tuý đối với số ma tuý đã thu giữ khi bắt quả tang của Mùng A. Bản kết luận giám định số: 904/KL-KTHS ngày 18/5/2026, Phòng K Công an tỉnh T kết luận: "08 (tám) mẫu cần giám định ký hiệu lần lượt theo thứ tự từ A1 đến A8 đều là chất ma túy, loại Heroin (Heroine); tổng khối lượng 0,4 gam (không phẩy bốn gam).

Ngày 13/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra thông tin, dữ liệu trong 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, loại màn hình cảm ứng, màu xanh, điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0337.075.365 thu giữ của Mùng A L và 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, màu đỏ, điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0399.776.293 thu giữ của Mùng Văn S khi bắt quả tang, quá trình kiểm tra không phát hiện thông tin, tài liệu gì có liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bản Cáo trạng số: 19/CT-VKSKV8 ngày 17/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Mùng A L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mùng A L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt từ ngày 12/5/2026.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* túi niêm phong kín, mã số PS3-23046722, trên túi có 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùng A Đ 01 *(một)* xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn đỏ, biển kiểm soát: 23M1-011.25, xe đã qua sử

dụng, thân vỏ có nhiều vết, chầy xước, có dán giấy niêm phong màu trắng, trên giấy có 02 dấu tròn đỏ của UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; trả lại cho Mùng A *(một)* điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã qua sử dụng, màn hình điện thoại có nhiều vết xước, nứt, vỡ, bên trong điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0337.075.365.

Về án phí: Đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, sớm được trở về với gia đình.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Mùng Văn S, Vàng Thị M; xét thấy những người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo khai nhận bản thân là người nghiện ma túy nên bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; kết luận giám định chất ma túy cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 12/5/2026, tại Km90+80, đường tránh Quốc lộ D, đoạn qua địa phận thôn P, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, Mùng A có hành vi tàng trữ trái phép 0,4 gam *(không phẩy bốn gam)* ma túy, loại Heroine. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định, hành vi của bị cáo M1 A L đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh

tế, sức khỏe của bản thân, gia đình bị cáo, đến trật tự, an toàn của xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, trong khi Nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền về tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và hệ lụy khôn lường của nó, mặc dù bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để nhằm trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và công tác phòng ngừa tội phạm chung. Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo Mùng A L với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người thường xuyên sử dụng ma túy, không có công việc, tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* túi niêm phong kín, mã số PS3-23046722, trên túi có 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùng A Đ 01 *(một)* xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn đỏ, biển kiểm soát: 23M1-011.25 do con là Mùng Văn S sử dụng và để L điều khiển và bị bắt quả tang L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ông Đ không biết.

- Trả lại cho Mùng A *(một)* điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã qua sử dụng, màn hình điện thoại có nhiều vết xước, nứt, vỡ, bên trong điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0337.075.365, không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Đối với người đàn ông tên T đã bán ma túy cho L tại khu vực xã L, tỉnh Tuyên Quang, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để điều tra, xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Mùng A ngày 12/5/2026, quá trình điều tra xác minh không cấu thành tội phạm quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự, Công an xã Y, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 06/QĐ-XPHC ngày 20/5/2026 bằng hình thức phạt cảnh cáo là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Mùng Văn S ngày 12/5/2026 tại xã Đ, tỉnh Tuyên Quang: Quá trình điều tra xác minh không cấu thành tội phạm quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Mùng Văn S xin đi cai nghiện bắt buộc, không đăng ký cai nghiện tự nguyện vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Ngày 09/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối Mùng Văn S tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Tuyên Quang, trong thời hạn 24 *(hai mươi bốn)* tháng kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Mùng Văn S vào ngày 12/5/2026 tại khu vực chợ xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình điều tra, Mùng Văn S không cung cấp được họ, tên, tuổi, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng nên không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Quá trình điều tra xét thấy 01 *(một)* điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, đã qua sử dụng, điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0399.776.293 không liên quan đến vụ án. Ngày 13/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Mùng Văn S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, việc xử lý vật chứng và miễn án phí cho bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mùng A L.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mùng A L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Mùng A L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt từ ngày 12/5/2026.

Quyết định tạm giam bị cáo Mùng A L với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* túi niêm phong kín, mã số PS3-23046722, trên túi có 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùng A Đ 01 *(một)* xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn đỏ, biển kiểm soát: 23M1-011.25, xe đã qua sử dụng, thân vỏ có nhiều vết, chầy xước có dán giấy niêm phong màu trắng, trên giấy có 02 dấu tròn đỏ của UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Mùng A 01 *(một)* điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã qua sử dụng, màn hình điện thoại có nhiều vết xước, nứt, vỡ, bên trong điện thoại có gắn 01 *(một)* sim Viettel số thuê bao 0337.075.365.

(Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T với P trại tạm giam Đ - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T).

4. Án phí hình sự: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mùng A L.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36, Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Hình sự TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV 8, tỉnh TQ;
- CQCSĐT, Phòng PC 10, PV 06 CAT TQ;
- THA DS tỉnh Tuyên Quang;
- Phân trại Tạm giam Đồng Văn - Trại tạm giam số 2, CAT Tuyên Quang;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

Đoàn Ngọc Vĩnh